TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NGHĨA HƯNG** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 20/2025/HNGĐ - ST Ngày: 24 - 01 - 2025. V/v: Tranh chấp ly hôn.	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGHĨA HƯNG TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Trần Trọng Ích .

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà Dương Thị Vui;
2. Ông Vũ Mạnh Toàn.

- Thư ký phiên toà: Ông Vũ Tuấn Tú – Thư ký Toà án nhân dân huyện Nghĩa Hưng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nghĩa Hưng tham gia phiên tòa: Ông Trần Thế Hùng – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 01 năm 2025 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Nghĩa Hưng mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 135/2024/TLST - HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2024. Về tranh chấp xin ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 91/2024/QĐXXST - HNGĐ ngày 24 tháng 12 năm 2024 và quyết định hoãn phiên tòa số: 03/2025/QĐST - HNGĐ ngày 10 tháng 01 năm 2025 giữa:

+ Nguyên đơn: Chị Trần Thị K, sinh năm 1978.

Địa chỉ: Xóm H, thị trấn Q, huyện N, tỉnh Nam Định.

+ Bị đơn: Anh Trần Văn T, sinh năm 1973.

Địa chỉ: Xóm H, thị trấn Q, huyện N, tỉnh Nam Định.

Tại phiên tòa vắng mặt chị K, vắng mặt anh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại phiên tòa hôm nay chị Trần Thị Kim vắng M. Đơn khởi kiện cũng như lời khai chị K trong quá trình giải quyết vụ án thể hiện: Chị kết hôn với anh Trần Văn T vào năm 1997 trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Q, huyện N, tỉnh Nam Định. Sau khi kết hôn vợ chồng vợ chồng chung sống hạnh phúc, mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ năm 2022. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống không hòa hợp trong hôn nhân do không

thể hàn gắn vợ chồng sống ly thân từ tháng 4/2023. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh T không còn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Hưng xem xét giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Văn T.

Về con chung: Chị K xác định giữa chị và anh T có ba con chung là cháu Trần Huyền T1, sinh ngày 22/7/1998; cháu Trần Thị Bích T2, sinh ngày 24/7/2001 và cháu Trần Văn T3, sinh ngày 17/02/2008. Hiện cháu T1 và cháu T2 đã trưởng thành tự lập được nên chị không yêu cầu giải quyết về việc cấp dưỡng nuôi con, cháu T3 sinh năm 2008 chưa trưởng thành kể từ khi vợ chồng ly thân cháu do chị trực tiếp nuôi dưỡng. Ly hôn chị xin nhận trực tiếp nuôi cháu T3 và không yêu cầu anh T phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về án phí chị đề nghị giải quyết theo quy định.

Tại phiên toà hôm nay anh Trần Văn T vắng mặt. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Hưng đã làm việc và triệu tập anh Trần Văn T đến Tòa án để giải quyết vụ án nhưng anh T không hợp tác. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Hưng đã tống đạt và tiến hành niêm yết công khai đầy đủ các văn bản tố tụng của Tòa án theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên toà phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến xét xử tại phiên toà hôm nay Thẩm phán thụ lý giải quyết cũng như Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 56; 81; 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình: xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Xử ly hôn giữa chị Trần Thị K và anh Trần Văn T;

Về con chung: Giao con chung là cháu Trần Văn T3, sinh ngày 17/02/2008 cho chị Trần Thị Kim trực T4 chăm sóc nuôi dưỡng. Anh T không phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị K;

Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 6 và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Q: đề nghị Toà án tuyên án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào lời trình bày của đương sự và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Anh Trần Văn T đang và chị Trần Thị Kim cư T5 tại thị trấn Q huyện N tỉnh Nam Định. Nay chị K có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện

Nghĩa Hưng giải quyết vụ án được Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Hưng thụ lý giải quyết vụ án là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[1.2] Tại phiên tòa hôm nay chị Trần Thị K và anh Trần Văn T đều vắng mặt.

Chị Trần Thị K có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị K là phù hợp với khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Anh Trần Văn T vắng mặt nhưng anh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ và niêm yết công khai nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Hưng xét xử vắng mặt anh T là có căn cứ và phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về nội dung: Cuộc hôn nhân giữa chị Trần Thị K và anh Trần Văn T vào năm 1997 trên cơ sở tự nguyện, được UBND thị trấn Q, huyện N, tỉnh Nam Định cấp đăng ký kết hôn là một hôn nhân tự do, tiến bộ và có đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn vợ chồng vợ chồng chung sống hạnh phúc, mâu thuẫn vợ chồng phát sinh nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống và mâu thuẫn về kinh tế dẫn đến cãi chửi nhau do không thể hàn gắn, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 4/2023 trong thời gian ly thân không ai quan tâm đến ai. Nay chị K xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị đề nghị giải quyết cho vợ chồng được ly hôn. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Hưng tỉnh Nam Định đã tống đạt và niêm yết công khai đầy đủ những văn bản tố tụng của Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Hưng cho anh T nhưng anh T không không hợp tác. Đại diện viện kiểm sát tham gia phiên Tòa có quan điểm đề nghị Hội đồng xét xử xử ly hôn giữa chị K và anh T. Xét việc xin ly hôn của chị K thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị K và anh T đã kéo dài và ngày một trầm trọng, hôn nhân đã tan vỡ, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận là phù hợp.

[3] Về con chung: Chị Trần Thị K và anh Trần Văn T có ba con chung là cháu Trần Huyền T1, sinh ngày 22/7/1998; cháu Trần Thị Bích T2, sinh ngày 24/7/2001 và cháu Trần Văn T3, sinh ngày 17/02/2008. Hiện cháu T1 và cháu T2 đã trưởng thành tự lập được. Ly hôn chị K xin nhận trực tiếp nuôi cháu T3 và không yêu cầu anh T phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị. Anh T không có quan điểm gì.

Xét việc xin nhận trực tiếp nuôi con chung của chị K thấy kể từ khi vợ chồng ly thân cháu T3 do chị K trực tiếp nuôi dưỡng và bản thân cháu T3 có nguyện vọng ở với mẹ. Vì vậy giao cháu T3 cho chị K trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng là phù hợp.

Xét việc chị K không yêu cầu anh T phải đống góp cấp dưỡng nuôi con cùng chị. Thấy nguyện vọng của chị K là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên được chấp nhận.

[4] Về tài sản chung vợ chồng: Chị Trần Thị K không yêu cầu Tòa án giải quyết vì vậy không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm chị Trần Thị K phải nộp theo quy định của pháp luật.

[6] Xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Nghĩa Hưng về việc giải quyết vụ án là phù hợp.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 56; 81; 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ các Điều 147; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 6 và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1 - Xử ly hôn giữa chị Trần Thị K và anh Trần Văn T.

2 - Về con chung: Xử giao con chung là cháu Trần Văn T3, sinh ngày 17/02/2008 cho chị Nguyễn Thị Kim trực T6 chăm sóc nuôi dưỡng. Anh Trần Văn T không phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị K. Không ai được ngăn cản quyền chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng và thăm nom con chung.

3 - Án phí dân sự sơ thẩm chị Trần Thị K phải nộp 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị chị K đã nộp theo biên lai số: 0001482 ngày 10/10/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Nghĩa Hưng, chị K đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt nguyên đơn, bị đơn. Báo cho người vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(Đã ký)

Trần Trọng Ích

Nơi nhận:
- Toà án Tỉnh.
- VKS huyện.
- THA huyện.
- UBND thị trấn Q.
- Các đương sự.
- Lưu án văn